

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/No: 0242/2025/SP



- Tên hàng hóa: NPK CÀ MAU 16-16-8+TE
Product name: NPK CA MAU 16-16-8+TE
- Khối lượng: 419.38 tấn
Quantity: 419.38 Tons
- Thông tin sản phẩm:
 - NPK Cà Mau 16-16-8+TE bao 50Kg : 200.95 tấn
 - NPK Cà Mau 16-16-8+TE bao 25Kg : 218.43 tấn*NSX: 29/03/2025; HSD: 36 tháng kể từ NSX*
Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 01/04/2025 16:01:03
Time of inspection: 01/04/2025 16:01:03
- Giám định viên: Phan Hữu Lợi, Trần Bửu Lộc
Inspector: Phan Hữu Lợi, Trần Bửu Lộc
- Nội dung giám định: Theo TCCS 43:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 43:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT <i>No</i>	Tên chỉ tiêu <i>Components</i>	Phương pháp thử <i>Testing Method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Tiêu chuẩn kỹ thuật <i>Specifications</i>	Kết quả <i>Results</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 5815:2018	%	16	16.62	
2	Lân hữu hiệu (P2O5hh)	TCVN 8559:2010	%	16	15.46	
3	Kali hữu hiệu (K2Ohh)	TCVN 8560:2018	%	8	8.45	
4	Bo (B)	TCVN 13263-8:2020	ppm	500	848.0	
5	Độ ẩm	TCVN 5815:2018	%	2	1.42	
6	Kẽm (Zn)	TCVN 9289:2012	ppm	1000	1474.33	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 43:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 43:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department

Ký bởi: Nguyễn Văn Bình

Ngày ký: 03/04/2025 11:41:40

Tổ chức xác thực: PVCFC CA